

Bản án số: 669/2020/HC-PT

Ngày 26-10 - 2020

*V/v “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định
hành chính, quyết định giải quyết khiếu
nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phạm Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 660/2019/TLST-HC ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2019/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1032/2020/QĐPT-HC ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1979, địa chỉ: Lô 33 – 34, đường V, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1968, địa chỉ: Khu phố D, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Hợp đồng ủy quyền ngày 08/02/2018) (có mặt).

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Nguyễn Hoàng T, Chủ tịch UBND thành phố P (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/9/2020).

- Chủ tịch UBND thành phố P - Ông Phan Nguyễn Hoàng T, Chủ tịch UBND thành phố P (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/9/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P: Ông Lương Hoàng Q - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1977, địa chỉ: Lô 33-34, đường Võ Văn K, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu phố D, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt) (Hợp đồng ủy quyền ngày 23/9/2020).

- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Nam C - Giám đốc trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T, Phó phụ trách phòng Quản lý quỹ đất - Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận.

- UBND phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thị Minh N, Chủ tịch UBND phường T, thành phố P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh H - Công chức địa chính, xây dựng phường T, thành phố P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Huỳnh Thanh H - Công chức địa chính, xây dựng phường T, thành phố P.

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Ngọc H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/9/2018, biên bản đối thoại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện trình bày:

Từ khi thành phố P tỉnh Bình Thuận có dự án để làm mới đường Hùng Vương, nối thành phố P và trung tâm du lịch Mũi Né, UBND thành phố P đã thu hồi diện tích đất của gia đình tôi. Nay tôi yêu cầu:

- Hủy bỏ toàn bộ nội dung của Quyết định số 15261 ngày 02/12/2005 về việc thu hồi đất, của Chủ tịch UBND thành phố P, thu hồi diện tích 119,1m² đất màu (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 02) do hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc H sử dụng, tại phường T, thành phố P, để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư H giai đoạn II (khu vực 4 và 5) tại phường P, phường T, phường Phú Hải, thành phố P.

- Hủy bỏ quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 622/QĐ- UBND ngày 26/01/2018, quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ

ông Nguyễn Ngọc H, đang sử dụng thửa đất số 45/119,1m² thuộc tờ bản đồ số 02 tại phường T, thành phố P do không thực hiện quyết định số 15261 ngày 02/12/2005 về việc thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố P.

- Hủy quyết định số 5383/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc H (lần đầu).

- Buộc UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho gia đình tôi và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bị xâm phạm do các quyết định hành chính nêu trên gây ra như sau: Về tinh thần bồi thường theo quy định của pháp luật; Về vật chất bồi thường thiệt hại thực tế trong sản xuất kinh doanh như sau: Kinh doanh dịch vụ du lịch của xe ô tô 16 chỗ - biển số 86H-5888 mỗi ngày thu nhận trên 2.000.000 đồng được tính từ ngày 31/01/2018 đến khi công việc được giải quyết xong, sản xuất nước mắm 30 triệu đồng, xem xét thỏa thuận gốc me cổ thụ đã bị phá bỏ trong quá trình cưỡng chế (vì gốc me cổ thụ là đời sống tâm linh và tinh thần của gia đình trong hoạt động sản xuất kinh doanh). Bởi những lý do sau: ngày 31/01/2018 các lực lượng chức năng của UBND thành phố P trực tiếp tổ chức cưỡng chế đối với gia đình ông là không đúng quy định pháp luật vì gia đình ông không nhận được quyết định cưỡng chế (ngày 31/01/2018, UBND thành phố tổ chức cưỡng chế nhưng ngày 01/02/2018, UBND phường T mời gia đình ông để bàn giao quyết định cưỡng chế, không có biên bản kiểm kê tài sản cưỡng chế ...)

Ý kiến của ông Nguyễn Việt H: Ông H không biết việc Nhà nước đã bồi thường cây me cho ông, trường hợp đã bồi thường cho ông thì chuyển sang bồi thường cho ông H. Ông Chủ tịch phường T không đến nhà ông H để vận động, thuyết phục mà vào chợ T để họp; các quyết định liên quan đến thu hồi và cưỡng chế đất không đến nhà tổng đạt cho ông H cũng không gửi cho ông H qua đường bưu điện vì ông H sống bằng nghề kinh doanh xe du lịch. Ông H đề nghị tòa án tỉnh Bình Thuận xét xử và bồi thường cho ông H theo như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của người bị kiện:

Ý kiến của ông Nguyễn Nam L và ông Phạm Thanh T: Về tài liệu, chứng cứ và ý kiến của người bị kiện đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, Ủy ban nhân dân thành phố P đã cung cấp đầy đủ cho Tòa án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phía người bị kiện không có ý kiến gì.

Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến của ông Nguyễn Văn H: Giữ nguyên lời trình bày tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/6/2019 do Tòa án tiến hành. Ông Nguyễn Văn H bổ sung: Đối với gốc me mà ông H khiếu kiện, Trung tâm phát triển quỹ đất đã bồi thường cho ông Nguyễn Việt H, hồ sơ bồi thường ông sẽ cung cấp cho Tòa án.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn M: Về chữ ký trong biên bản ngày

29/01/2018 theo xác minh của phường thì đúng là chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Thanh P, UBND phường T có báo cáo số 565/BC-UBND đã gửi cho Tòa án. Về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông H, UBND phường T có ý kiến như sau: Trước khi cưỡng chế có tiến hành tổng đạt quyết định cưỡng chế cho ông H nhưng ông H không nhận, sau đó có niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường. UBND phường có tiến hành họp lấy ý kiến của dân tại chợ thuộc phường T; có tiến hành vận động, thuyết phục hộ ông H trước khi cưỡng chế thu hồi đất.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng:

- Điểm d, khoản 3 Điều 62, Điều 71 của Luật Đất đai 2013; Điều 11, Thông tư 30/2014/BTNMT ngày 02/6/2014

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H về việc:

- Hủy Quyết định số 15261 ngày 02/12/2005 về việc thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố P thu hồi diện tích 119,1m² đất màu (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 02) do hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc H sử dụng tại phường T, thành phố P để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hùng Vương giai đoạn II (khu vực 4 và 5) tại phường P, phường T, phường P, thành phố P.

- Hủy quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 622/QĐ- UBND ngày 26/01/2018 quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Ngọc H, đang sử dụng thửa đất số 45/119,1m² thuộc tờ bản đồ số 02 tại phường T, thành phố P do không thực hiện quyết định số 15261 ngày 02/12/2005 về việc thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố P.

- Hủy quyết định số 5383/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc H (lần đầu).

- Buộc UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho gia đình tôi và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bị xâm phạm do các quyết định hành chính nêu trên gây ra.

2. Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 16/9/2019, ông Nguyễn Ngọc H là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Việt H đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và xét xử theo hướng chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông H, hủy Quyết định số 15261/QĐ-CTUBND ngày 02/12/2005 về việc thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, thu hồi diện tích 119,1m² đất màu (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 02) do hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc H sử dụng, tại phường T, thành phố P, để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư H giai đoạn II (khu vực 4 và 5) tại phường P, phường T, phường P, thành phố P; Hủy bỏ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất; Hủy quyết định số 5383/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc H (lần đầu); Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho gia đình ông H và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông H do bị xâm phạm do các quyết định hành chính nêu trên gây ra. Với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào tài liệu, chứng cứ ông H đã nộp để làm căn cứ xét xử; Không có tài liệu, chứng cứ của cơ quan chính quyền để chứng minh ông H đã nhận được Quyết định số 15261 ngày 02/12/2005 và Quyết định số 622 ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận về việc cưỡng chế thu hồi đất để làm căn cứ xét xử; Không tổ chức đo vẽ xác định diện tích đất còn lại của gia đình ông H sau khi địa phương giải tỏa trắng để làm căn cứ xét xử; Không xem xét sai phạm cả nội dung lẫn hình thức của Quyết định số 622 ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận để làm căn cứ xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Quyết định số 15261/QĐ-CTUBND ngày 02/12/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và Quyết định số 5383/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc H được ban hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng

cáo của ông Nguyễn Ngọc H, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện:* Ông Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 15261/QĐ-CTUBND ngày 02/12/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 622/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, Quyết định số 5383/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc H và yêu cầu bồi thường thiệt hại, là các quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Đối với nội dung ông Nguyễn Ngọc H khởi kiện hành vi tổ chức cưỡng chế trái pháp luật, thực chất là khởi kiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 622/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho ông H, Tòa án cấp sơ thẩm chưa nhận định để xác định rõ việc ông H khởi kiện các quyết định nêu trên được ban hành bởi Ủy ban nhân dân thành phố P hay Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P nhằm xác định người bị kiện là cơ quan nào. Có như vậy khi đủ căn cứ xác định các quyết định được ban hành trái pháp luật và gây thiệt hại tới quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự thì cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định bị hủy bỏ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người khởi kiện theo quy định.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 23/8/2018 và ngày 19/9/2018, ông H khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên và yêu cầu bồi thường thiệt hại là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

- *Về thời hạn kháng cáo:* Ngày 16/9/2019, ông Nguyễn Ngọc H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

[2.1.1] Đối với quyết định thu hồi đất số 15261/QĐ-CTUBND:

- *Về thẩm quyền ban hành:* Ngày 02/8/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2819/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận để xây dựng khu dân

cư H giai đoạn II (khu vực 4 và 5) tại phường P, phường T và phường P, thành phố P.

Ngày 02/12/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 15261/QĐ-CTUBND về việc thu hồi diện tích 119,1m² đất màu (thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 02) do hộ ông Nguyễn Ngọc H sử dụng, là không đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003. Thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất thuộc về Ủy ban nhân dân thành phố P. Do đó, trong trường hợp này cần xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P.

- *Xét về trình tự, thủ tục ban hành:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập các tài liệu, chứng cứ thể hiện trình tự, thủ tục và việc thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố P đối với ông Nguyễn Ngọc H có theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất hay không. Khi chưa có căn cứ xác định Ủy ban nhân dân thành phố P có tổng đạt thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất đến hộ ông Nguyễn Ngọc H hay chưa thì việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 15261/QĐ-CTUBND, là chưa có cơ sở.

[2.1.2] Đối với quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 622/QĐ-UBND:

- *Về thẩm quyền:* ngày 26/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 622/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Ngọc H là đúng thẩm quyền.

- *Về trình tự, thủ tục ban hành:*

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Ngày 14/7/2016, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P họp kết luận về tình trạng đất bị thu hồi của ông H. Sau đó, Trung tâm lập hồ sơ bồi thường cho ông H với tổng số tiền là 33.643.820 đồng và đã mời ông H lên nhận tiền vào các ngày 05/01/2017, 20/01/2017, 16/02/2017 và 22/9/2017 nhưng hộ ông H không nhận. Sau nhiều lần vận động nhận tiền bồi thường và giao đất nhưng ông H không chấp hành nên ngày 26/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 622/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Ngọc H.

Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không thể hiện các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P có tổng đạt hoặc niêm yết các giấy mời ông H lên nhận tiền cũng như vận động ông H nhận tiền bồi thường và giao đất. Những biên bản giao giấy mời ông H lên nhận tiền cũng như vận động ông H đều do phía người bị kiện cung cấp và không có chữ ký, ý kiến của ông H cũng như đại diện tổ dân phố, Ủy ban nhân dân phường và những người chứng kiến theo quy định, không có biên bản ghi nhận việc đương sự không đồng ý nhận các tài liệu, quyết định do phía Ủy ban tổng đạt nên không đủ căn cứ pháp lý.

Đồng thời, hồ sơ vụ án còn thể hiện ngày 26/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 622/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Ngọc H; ngày 31/1/2018, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất thành phố P đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn

Ngọc H nhưng đến ngày 01/2/2018, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P mới bàn giao Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 cho ông H là vi phạm quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013, Khoản 3 Điều 65 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc phải giao quyết định cưỡng chế thu hồi đất cho người bị cưỡng chế trước khi tổ chức cưỡng chế.

Do đó, để xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Ngọc H có đúng trình tự, thủ tục theo quy định hay không, cần thiết phải thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh nêu trên.

[2.1.3] Đối với quyết định giải quyết khiếu nại số 5383/QĐ-UBND:

Sau khi biết được Quyết định thu hồi đất số 15261/QĐ-CTUBND ngày 02/12/2005 nêu trên, ông H khiếu nại. Ngày 05/6/2018, Thanh tra thành phố P có báo cáo kết quả xác minh nội dung đơn của ông Nguyễn Ngọc H. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P cũng không thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất đã đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền chưa mà đã ban hành Quyết định số 5383/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc H là đúng thẩm quyền nhưng chưa đúng về trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, Điều 27 đến Điều 34 Luật khiếu nại 2011.

[2.2] Về nội dung của các quyết định:

[2.2.1] Xét về nguồn gốc đất:

Phần đất bị thu hồi (thuộc thửa số 45, diện tích 119,1m², tọa lạc tại phường T, thành phố P) có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn K sử dụng trước ngày 15/10/1993. Sau đó, ông K chuyển nhượng lần lượt qua nhiều người. Đến năm 1995, ông Nguyễn Việt H nhận chuyển nhượng lại diện tích đất này, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P. Năm 1996, ông H nhận chuyển nhượng lại diện tích nêu trên của ông Nguyễn Việt H, không có giấy tờ sang nhượng. Theo bản đồ 60/CP thuộc thửa đất số 13 tờ bản đồ số 02 mang tên Nguyễn Việt H. Ủy ban nhân dân thành phố P xác định diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc H có cung cấp các phiếu nộp thuế đất phi nông nghiệp, tờ khai nộp thuế đất phi nông nghiệp có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, đồng thời nộp giấy đăng ký kinh doanh vận tải tại địa chỉ bị thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét các tài liệu chứng cứ này là có thiếu sót và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.2.2] Xét quá trình thu hồi, bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất:

- Ngày 14/7/2016 Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P họp kết luận: “Về đất: đất trống không có nhà, hộ ông H không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp nên không đủ điều kiện bồi thường đất nông nghiệp theo quy định tại điểm d, khoản 2 và khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và điều 77 Luật đất đai năm 2013 nhưng được hỗ trợ 50% đất nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 3, điều 29 quyết định số

08/2015/QĐ –UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh. Về tài sản trên đất có cây trồng nên được bồi thường. Về tái định cư không đủ điều kiện tái định cư theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 31 và khoản 4 Điều 11 quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh, các khoản hỗ trợ khác không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định”. Theo biên bản kiểm kê ngày 27/7/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận “không có nhà cửa, chỉ có tài sản trên đất gồm dừa loại C: 02 cây; bàng loại A: 01 cây”. Trên cơ sở biên bản kiểm kê này, ngày 03/8/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận đã lập bản tính toán dự thảo bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc H theo Thông báo số 2088 với tổng số tiền là 7.418.000 đồng. Sau đó, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận đã lập hồ sơ bồi thường cho ông H với số tiền là 33.643.820 đồng và đã mời ông H nhận tiền vào các ngày 05/01/2017, 20/01/2017, 16/02/2017 và 22/9/2017 nhưng ông H không đồng ý.

Như đã phân tích ở trên, quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc H có cung cấp các phiếu nộp thuế đất phi nông nghiệp, tờ khai nộp thuế đất phi nông nghiệp có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, đồng thời nộp giấy đăng ký kinh doanh vận tải tại địa chỉ bị thu hồi đất.

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (được sửa đổi bổ sung bằng Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai về xác định loại đất như sau:

“1. Trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật đất đai thì loại đất được xác định như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng;

b) Trường hợp đang sử dụng đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất”.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá các tài liệu chứng cứ này để làm cơ sở xem xét tính hợp pháp của quyết định thu hồi và bồi thường đất. Khi chưa xác định được loại đất thu hồi và các chính sách mà hộ ông H được hưởng khi thu hồi đất thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế đối với phần đất của ông H cũng cần phải được xem xét lại theo quy định của pháp luật.

[2.2.3] Về mục đích thu hồi đất:

Ông Nguyễn Ngọc H khiếu nại cho rằng diện tích đất của ông bị thu hồi hiện nay đã được Ủy ban nhân dân thành phố P bán cho tư nhân xây biệt thự, nhà hàng, đồng thời diện tích đất của ông sau khi thu hồi vẫn còn lại một phần trong khi ông có nhu cầu tái định cư tại chỗ hoặc được bồi thường bằng diện tích đất khác có cùng mục đích sử dụng để kinh doanh thì không được xem xét. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố P cũng thừa nhận diện tích đất thu hồi của ông H vẫn còn nhưng cụ thể bao nhiêu thì phía ủy ban không xác định được.

Lẽ ra trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất mà ông Nguyễn Ngọc H bị thu hồi (thuộc thửa số 45, diện tích 119,1m², tọa lạc tại phường T, thành phố P) thực tế đang được sử dụng vào mục đích gì để có căn cứ giải quyết bồi thường thỏa đáng cho đương sự.

[2.3] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại

Do chưa đủ căn cứ xác định tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện nên yêu cầu về bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Ngọc H là chưa đủ căn cứ để xác định. Đối với yêu cầu khởi kiện này của ông H sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Xét thấy, cần phải thu thập chứng cứ mới quan trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, hủy bản án hành chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định pháp luật.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện, ông Nguyễn Ngọc H không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc H;

Hủy bản án hành chính sơ thẩm; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H không phải chịu; Hoàn lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003551 ngày 15/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh(1);
- TAND tỉnh Bình Thuận(1);
- VKSND tỉnh Bình Thuận(1);
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1);
- Người khởi kiện(1);
- Người bị kiện(1);
- Lưu hồ sơ(1),VP(3),13b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh